

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Văn Tám

2- Bà Võ Cẩm Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:**
Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Trang Đ**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số 219, ấp TH, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Trí L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp MT, xã MT, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị Trang Đ** trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trí L quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2016 nhưng đến ngày 12/02/2018 thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm với nhau, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh L ly thân với nhau khoảng 02 năm nay, chị về sống bên cha, mẹ ruột tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chị không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 người con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 28/02/2017, giới tính nam, hiện nay con đang sống với anh L. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh L nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trí L vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trang Đ.

Tại phiên tòa: Chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với anh L về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Trí L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trí L.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Đ và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2016, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh L là hợp pháp.

Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh L, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn theo chị Đ trình bày là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Đ và anh L ly thân với nhau khoảng 02 năm nay, chị Đ về sống bên cha, mẹ ruột tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Anh L không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ. Theo lời trình bày của bà Đặng Thị T là mẹ ruột của anh L thì trong quá trình chung sống vợ chồng anh L có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, nhiều lần chị Đ và anh L đòi ly hôn rồi hàn gắn lại.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử động viên hàn gắn nhưng chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Đ và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do đó chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị Đ và anh L có 01 người con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 28/02/2017, giới tính nam, hiện nay con đang sống với anh L. Khi ly hôn chị Đ đồng ý giao con cho anh L nuôi dưỡng, Chị Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Cháu N hiện nay đang sống với anh L, được chăm sóc và phát triển bình thường như những đứa trẻ đồng trang lứa. Tại bản tự khai cháu N cũng có nguyện vọng được ở với cha.

Vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Trí N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đ có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Trang Đ được ly hôn với anh Nguyễn Trí L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 28/02/2017, giới tính nam cho anh Nguyễn Trí L tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Trang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đ có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Trang Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000581 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2024). Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh